

VÀI GỢI Ý GIÚP GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG VỀ ĐƯỜNG HƯỚNG NGOẠI NGỮ, PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ VÀ THỦ THUẬT DẠY LỚP LỚN

HOÀNG TẮT TRƯỜNG, MA.
*Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Anh - Mỹ
Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

Trong vài thập kỷ gần đây việc dạy ngoại ngữ ở phổ thông đã có nhiều chuyển biến tốt đẹp. Các dự án và lớp bồi dưỡng liên tiếp được triển khai, đưa một luồng gió mới vào lĩnh vực ngoại ngữ. Tuy nhiên chúng ta vẫn còn không ít khó khăn về một số vấn đề: Sách giáo khoa, thiết bị, phương pháp v.v... ở trường phổ thông, giáo viên phải dạy lớp lớn từ 40 tới trên 50 học sinh. Đây là một nan giải cho việc dạy- học, đặc biệt là ngoại ngữ. Ngoài ra h/s không biết "học chủ động" như thế nào, sức "ỳ" của h/s chúng ta rất lớn, gây nhiều khó khăn trong việc truyền thụ và tiếp thu kiến thức. Dưới đây, chúng tôi đề xuất một số ý kiến nhỏ về đường hướng ngoại ngữ và phương pháp, thủ thuật giảng dạy, đặc biệt ở lớp lớn (đồng người) và phát huy tính năng động của h/s. (bài viết sử dụng tiếng Anh minh họa).

I. Đường hướng chung

Ngôn ngữ là một hệ thống thói quen, người thầy phải giúp h/s xây dựng hệ thống thói quen đó. Ngôn ngữ dường như có một số khác biệt lớn so với toán học và các môn tự nhiên ở chỗ: thứ nhất, nhân thức thu đông lớn hơn nhân thức chủ động (tính chấp nhận lớn hơn tính lý luận). Một công thức toán có thể giúp giải được nhiều bài tập song một cấu trúc ngôn ngữ không giúp chúng ta biết được một cấu trúc mới hoặc một từ mới (khác gốc). Nói cách khác, nếu không được dạy một từ x nào đó thì người ta không tự suy ra nó, biết được nó. Ví dụ: "spoke" có nghĩa là "nói" nhưng đồng thời lại có nghĩa "chiếc nan hoa". Ta phải chấp nhận, không cần lý giải mà phải tìm cách ghi nhớ nó. Nếu không nhớ nghĩa thứ hai này chúng ta sẽ không bao giờ nói được câu "Bán cho tôi hai chiếc nan hoa". Thứ hai, ngôn ngữ có rất nhiều ngoại lệ về tất cả các bình diện. Ai không ngạc nhiên khi gặp những câu như: "The matter is being gone into". (vấn đề đang được n.cứu), hoặc một tình huống, ngữ điệu nào đó có thể cho phép một đứa con nói: "Shut up, dad" (im mồm đi bố)? Vậy nhiệm vụ chính của người giáo viên ngoại ngữ (nói đúng hơn: Thời gian chính trên lớp- khoảng 80%) lại không phải giảng giải để truyền thụ kiến thức (hoặc đọc - chép) mà là: giúp h/s sử dụng kiến thức đó, nâng cao tư duy, ghi nhớ, tái tạo. Bằng mọi biện pháp, người thầy phải tạo điều kiện để h/s "va chạm" tiếp xúc và sử dụng ngữ liệu cơ bản của bài học với phương thức "xoáy ốc" Ngôn ngữ là lời nói. Học ngôn ngữ một phần khá lớn là lao động cơ bắp. Luyện nhiều, đặc biệt nói nhiều, sẽ tạo ra vùng ngoại ngữ- "rãnh ngoại ngữ" trong bộ não, giúp người học tiếp thu nhạy cảm hơn, hạn chế qui luật xoáy mờ của trí nhớ. Nhiều giáo viên biết tầm quan trọng của luyện tập và coi đó là "lẽ thường" (common sense) song lại hay "để quên lẽ thường" này trong cặp khi đứng trước h/s nhất là những lớp đồng người.

Sách giáo khoa và giáo trình của chúng ta còn "ôm đồm" quá tải. Trong lĩnh vực ngoại ngữ cũng vậy, chúng ta hay "thiên hướng" về khâu nhận biết (perceptive) do đó thường sợ giáo trình quá dễ. Những bài khoá "Gravity" "Faraday" ở English 10 ("Trọng lực", "Fa-ra-day") chỉ nên làm bài đọc thêm ở nhà. Nói chung bài học phải hết sức thực tiễn để người học có điều kiện sử dụng hoặc liên tưởng đến chúng trong đời thường. Một số từ vựng và chủ đề cũng cần xuất hiện trong sách giáo khoa theo phương thức "xoáy ốc" (ở tình huống khác nhau để đỡ nhàm). Quan điểm cấu trúc và chức năng kết hợp hài hoà, khoa học.

Tính hài hước trong giáo học pháp nói chung và đặc biệt trong ngoại ngữ có vai trò rất quan trọng. Đây là một sự kích thích (stimulus) học tập và ghi nhớ vô cùng hiệu quả. Nhiều h/s nói rằng họ nhớ mãi những bài học vui trong "New Concept" hoặc: "Thầy kể chuyện "Ba chàng nói khoác" giúp chúng em không bao giờ quên các mẫu so sánh" v.v... Một số h/s thuộc lòng nhiều chuyện vui, vừa học được từ, vừa học ngữ pháp. Tính hài hước không những cần đưa vào giờ học,

giáo trình mà cả ở bài thi. Chúng tôi đã thực nghiệm và thấy rất hữu hiệu. “Tình huống hoá” và hài hước chính là những quy luật gây ấn tượng mạnh tăng cường trí nhớ, giúp h/s tiếp thu theo bản năng một cách nhẹ nhàng, học mà không biết mình đang học. Một mặc cảm phải gạt bỏ ngay trong một số g/v là: hài hước làm mất sự nghiêm chỉnh của buổi học, hoặc của người thầy.

Với h/s phổ thông, tính hài hước (đúng mực) càng có vai trò lớn, theo chúng tôi đây chính là một nét quan trọng của quan điểm “người học là trung tâm”

II. Phương pháp thủ thuật

1- Hoạt động trí nhớ và các mô hình trí nhớ cơ bản.

John P. Houston và các nhà khoa học đã nêu lên nhiều hoạt động và mô hình trí nhớ. Chúng tôi đề xuất 3 mô hình khác, cụ thể hơn, minh hoạ một số nét cơ bản của hoạt động trí nhớ và phương pháp học tập đặc biệt là ngoại ngữ.

Chúng ta có thể mô tả nôm na như sau:

a) *Trí nhớ thính giác + trí nhớ vận động* (lời nói) (auditory sensory + verbal memory):

Nghe thông tin → thông tin vào não → chuyển thành lời nói → nghe lại thông tin → trở lại não.

b) *Trí nhớ thị giác + trí nhớ vận động* (visual + verbal)

Nhìn thông tin → thông tin vào não → chuyển thành lời nói → nghe lại thông tin → trở lại não.

c) *Trí nhớ xúc giác + trí nhớ vận động*. (Sense of touch + verbal)

“Cầm, nắm thông tin (đồ vật, tranh ảnh...) → thông tin vào não → chuyển thành lời nói → nghe lại thông tin → trở lại não.

Chúng tôi nêu thêm trí nhớ xúc giác vì đối với h/s nhỏ, phương pháp học bằng trí nhớ xúc giác rất hiệu quả, tình huống hoàn toàn thật và sinh động (xem phần dưới).

Trí nhớ khứu giác và vị giác v.v... sử dụng rất hạn chế.

Như vậy, người học phải sử dụng thần kinh tổng hợp để kết hợp, xen kẽ các khâu Nghe-Nói-Đọc-Viết: Nghe-Nói, Nhìn-Nói, Nói-Viết-Nói, Nghe-Nói-Viết-Nói, Nhìn-Nói-Viết-Nói. v.v... (“Nhìn”: gồm cả đọc thầm). Như vậy, viết cũng kết hợp với Nói: Nói→Viết→Nói (Nói lại điều sắp viết và vừa viết xong). Có thể bí mật của trí nhớ là việc tổng hợp các hệ thống thần kinh (chúng tôi đã nhấn mạnh điều này ở một số bài báo).

Trong điện ảnh, nếu hình ảnh xuất hiện 24 lần/giây sẽ trở thành hình ảnh động. Trong học tập và ghi nhớ cũng có nét tương tự. Khi học, thông tin phải liên tục xuất hiện qua nhiều hoạt động như trên vào một điểm thức thời trước khi “đùng chân” ở bộ nhớ tạm thời. Sau đó muốn chuyển sang trí nhớ lâu dài, như chúng ta đã biết, nói chung, thông tin phải được tái hiện, “tập duyệt” (rehearsal).

2/ Phương pháp - thủ thuật

Ngoài những phương pháp truyền thống như phương pháp trực tiếp, nghe-nhìn, nghe-nói..., chúng tôi bổ sung và giới thiệu một số phương pháp thủ thuật mới (dựa vào những nguyên tắc trên) nhằm nâng cao tính năng động của h/s để luyện tập, ghi nhớ, tái tạo và sáng tạo.

2.1 Phương pháp phản xạ (phương pháp kích thích phản ứng ngôn ngữ, tạo sức bật, gây dựng vùng ngoại ngữ)

Nói chung những thủ thuật sau được sắp xếp theo các trình độ từ thấp tới cao, hoặc từ cụ thể tới trừu tượng. Giáo viên phải hiểu và hướng dẫn cách luyện rõ ràng và có thể nên bắt đầu bằng một cá nhân để tập thể dễ thực hiện. Tuy tình huống giáo viên linh hoạt chữa lỗi.

2.1.1- Gọi tên và nói vị trí (Naming & identifying places): Luyện số ít- nhiều, giới từ, liên từ chia động từ, liệt kê mô tả v.v...

G/v: giơ đồ vật lên hoặc chỉ vào tranh ảnh, chỉ vào đầu, tóc, tai của mình v.v... Bất ngờ đổi số ít, số nhiều, đổi vị trí của vật v.v...

H/s: Nói theo động tác của thầy. H/s nhìn và bật ra những từ/câu như: “book/books/notebooks/a book and a notebook/a book, two notebooks and a pen/the pen is in the box/on the book/v.v...”

Câu có thể kéo dài dần dần. G/v kết hợp sửa âm bật, sát, nối âm v.v...

Ngoài ra cho h/s nhắm mắt "sờ", cảm đồ vật v.v... (hoặc thò tay vào túi xách) cảm chúng và nói tên chúng ra. (trí nhớ xúc giác).

2.1.2- *Tả phương hướng, hành động (Describing direction & action)*: luyện chia động từ, dùng giới từ v.v...

G/v: (giơ tay về phía trước/phía trái..., đóng kịch chơi bóng bàn, piano v.v.../chỉ tranh ảnh...)

H/s: On the left/You're playing pinpong/He's swimming/...

2.1.3- *Sửa sai (correction)*: Luyện từ/cấu trúc, khẳng định và phủ định...

G/v: Look! our classroom has got 5 doors (Này! Lớp mình có 5 cửa)

H/s: Oh, no. It hasn't got 5 doors. It has got 2 doors

G/v: Hamlet was written by Nguyen Du (Hăm lét do Nguyễn Du viết)

H/s: No, it wasn't written by Nguyen Du. It was written by Shakespeare.

Một biến thể khác của thủ thuật này:

G/v: (bắt ngờ chỉ vào một chiếc tẩy và nói: Give me the ruler (Đưa tôi chiếc thước kẻ)

H/s: Oh, it's not a ruler, It's an eraser (Ồ đó không phải là thước kẻ mà là tẩy)

Thủ thuật này dùng được cho nhiều đối tượng, dùng được nhiều mẫu câu phức tạp. Ví dụ khi chỉ vào bức tranh một phụ nữ nhăn nhó vì người bên cạnh hút thuốc, song chúng ta nói: "The woman is used to/can put up with smoke from cigarettes". (Người phụ nữ quen khói thuốc) Ngoài ra để luyện sức bật, kích thích hứng thú và bổ sung kiến thức cơ bản, chúng ta có thể cho những câu hài hước như "Tào Tháo came from Việt Nam" (Tào Tháo là người Việt Nam). "The sun goes up in the west (Mặt trời mọc ở phương tây) hoặc bắt ngờ chỉ vào một h/s và nói: "Don't talk/read his book!" để h/s phản ứng và học dùng thời tiếp diễn thay đơn giản: "I'm not talking"...

2.1.4- *Phản đối (Objection)*: thủ thuật 2.1.4 khác 2.1.3 ở chỗ chủ yếu luyện câu phủ định ngắn để tập diễn đạt phản đối, tập phản xạ cho "Yes/No"

G/v: Cows can fly. (Bò biết bay)

H/s: No, they can't (không chúng không biết bay)

G/v: Apilot is also a driver

H/s: No, he isn't

G/v: australians don't speak English.

H/s: Yes, they do.

(Tạo phản xạ đúng cho "Yes/No" khi đáp lại câu phủ định là rất khó)

2.1.5- *Hỏi về thông tin khuyết (asking for missing info)*: luyện câu hỏi "(W/h)", luyện cấu trúc và trí nhớ v.v...

G/v: John went to ... (vỗ tay/gõ bàn) yesterday. (J. đi ... hôm qua)

H/s: Where did John go yesterday? (J. đi đâu hôm qua?)

G/v: John went to Sydney with.. (vỗ tay...) yesterday.

H/s: Who... with?

2.1.6- *Xác định địa điểm (location identification)*: luyện từ/cấu trúc...

G/v: (giơ bìa/bảng có ghi "Do not feed the animals"): Where are we?

H/s: We're at a/the zoo.

(Ngoài ra, còn nhiều biến khác như: "International flights" "Non-Smoking compartment" v.v...)

2.1.7- *Xác định việc làm (action identification)*: luyện từ/cấu trúc, mô tả hành động...

G/v: What are the people doing if you hear them say "Smile please!" "Say "cheese"! "Let me listen to your chest" v.v...

Ngoài ra, g/v có thể cho h/s nghe và tả hành động : Nghe tiếng người bơi, tiếng piano, bóng đá, ăn cháo... Thủ thuật này đồng thời là 1 trò chơi rất thú vị.

2.1.8- *Dùng trái nghĩa và đồng nghĩa (using antonyms synonyms)*:

Luyện từ và cấu trúc.

G/v: Rich (hoặc: always/on the one hand/at the beginning)

H/s: Poor (hoặc: never/on the other hand/at the end)

2.1.9- *Phân loại (classification)*: luyện từ/cấu trúc,

G/v: (cho sẵn từ theo phạm trù khác nhau: old, young, expensive, cheap, flower, clothes...).

grand father/shirt (ông/áo).

H/s: old/clothes. (già/trang phục).

2.1.10- Chọn lọc (the odd man out): luyện từ/cấu trúc, tư duy, trí nhớ...

G/v: table, school, book vegetable, boy (bàn, nhà trường, sách, rau, con trai)

H/s: vegetable (rau)

2.1.11: Tìm phần khuyết (Finding the missing part(s)): Luyện từ, cấu trúc, ngữ pháp.....

G/v: (giơ ảnh chiếc bàn thiếu 1 chân, chiếc ô tô mất 2 bánh.....)

H/s: A leg is missing (chiếc bàn mất 1 chân.....)

2.1.12: Thay thế / lắp ghép (Substitution prefabrication): luyện từ, cấu trúc, ngữ pháp, tư duy, trí nhớ.....

Có nhiều thủ thuật thay thế, lắp ghép, mở rộng....sau đây chúng tôi giới thiệu một số thủ thuật chính, luyện tất cả các loại câu (khẳng định, phủ định, nghi vấn.....).

a)- Thay một thành tố:

G/v (cho học sinh mẫu câu "There is/are in/at...")

(Sau khi học sinh nói "There 's a cat on the table"): Two pens/ a pen and 2 books/ whisky / whisky and beer /.....

b- Thay nhiều thành tố: Thủ thuật này tương đối giống thủ thuật trên song học sinh phải thay 2 -3 thành tố và đổi giới từ.....

G/v: ruler (vở tay) box

H/s: There 's a ruler in the box

G/v: box (vở tay) table

H/s: There 's a box on the table

G/v: table (vở tay) room

H/s: There 's a table in the room.....

Giáo viên tiếp tục thay đổi, dùng từ đếm được, không đếm được, cụ thể, trừu tượng..... và chuyển sang dạng phủ định, nghi vấn....

2.1.13: Bình luận (commenting): Luyện dùng tính từ...

Sau khi học (hoặc để hệ thống) những tính từ như "courageous, cowardly, generous, friendly, timid... chúng tôi luyện như sau:

G/v: He often gives money to people. (Anh ấy hay cho tiền mọi người).

H/s: He 's very generous. (Anh ấy rất rộng rãi)

2.1.14: Hoàn chỉnh (từ, cụm từ, câu - Completion): Luyện từ, cấu trúc, ngữ pháp...)

G/v: Who is (vở tay) in that room?

H/s: Who is speaking in that room?

G/v: Who (vở tay) the meeting will be put off:

H/s: Who said the meeting will be put off?

(Để luyện "say, speak, talk, tell" trường hợp như trên có thể cho học sinh nói 2 lần, yêu cầu nói "speaking" trước nếu thấy "talking" cũng dùng được, hoặc dùng quá khứ nếu cả "said" và "say" đều được.....)

b) G/v (giơ từ khuyết thiếu viết sẵn ở bảng con có chữ)

vaccleaner / air ...cer /

H/s: Vacuum cleaner / air - conditioner.....

2.1.15 Kéo dài / mở rộng (quá bóng lộn: extention.) Luyện câu và trí nhớ....

G/v: He went to Nam Dinh

H/s: He went to Nam Dinh

G/v: With his wife

H/s: He went to Nam Dinh with his wife

G/v: His children

H/s: He his wife, his children.

G/v: And friends.

H/s: He and friends.

G/v: 3 days ago

H/s: He went to ND with his wife, his children and friends 3 days ago.

2.1.16. Chuyển đổi (transformation) : Luyện từ, cấu trúc, ngữ pháp

Có nhiều dạng chuyển đổi.

a) G/v: I like his courage (tôi quý lòng dũng cảm của anh ấy)

H/s: He 's courageous. (anh ấy thật dũng cảm)

G/v: I admire his patience

H/s: He 's patient

G/v: This can be applied (cái này có thể áp dụng được- dùng danh từ)

H/s: This is applicable (cái này có thể áp dụng được - dùng tính từ)

Bốn câu trên có thể áp dụng lối nói khác:

G/v: I like his courage (tôi quý lòng dũng cảm của anh ấy)

H/s: I don't think he 's courageous (tôi không nghĩ là anh ấy dũng cảm)

b) G/v: Ask him where he went yesterday. (hỏi nó xem nó đi đâu hôm qua)

H/s: Where did you go to yesterday? (cậu đi đâu hôm qua)

G/v: Tell him to open the window.

H/s: Would you mind opening the window

(Chuyển ý sang lời)

2.1.17 Định nghĩa (definition) : Luyện từ, cấu trúc, câu đơn / phức ...

G/v: The air round the earth is called

H/v: Atmosphere. (hoặc/ và nhắc cả câu)

G/v: A pilot is one who

H/s: Flies a plane (hoặc/ và nhắc cả câu)

2.1.18 Bổ sung ý (addition) : Luyện từ, cấu trúc ...

G/v: The table is dirty (Bàn bẩn quá)

H/s: It needs cleaning (Nó cần lau)

G/v: His hair is too long (Tóc nó quá dài)

H/s: It needs cutting (Nó cần cắt)

2.1.19 : Trả lời (answering) : Luyện cấu trúc,

G/v: Why doesn't he go to school? (giờ chữ "young ")

H/s: He 's too young to go to school.

(Yêu cầu nói cả câu dùng cấu trúc " too ...to")

2.1.20 Dịch dãy chuyển (group translation) : Luyện trí nhớ ...

(G/v điều khiển lớp)

H/s 1 đọc vai A của hội thoại → H/s 2 dịch sang tiếng Việt → Học sinh 3 dịch lại sang tiếng Anh, (dùng lối nói của mình) → h/s 4 đọc vai B của hội thoại → h/s 5 dịch sang tiếng Việt → h/s 6 dịch sang tiếng Anh (như trên)

Thủ thuật này cho phép 6 h/s liên tục thay nhau làm việc .

2.2 Phương pháp toán học

2.2.1 Dùng công thức : Luyện từ, cấu trúc, ngữ pháp (giúp minh họa bài)

a) Prefix + suffix = affix (tiền tố + hậu tố = phụ hậu tố)

a) Luck + 1 suffix = ?

Luck + 2 suffix = ?

c) " It is not uncommon " - not = "It is uncommon " - un = It is common.

d) Guest + room = guest - room ≠ sitting room

e) Idiomatic + nonidiomatic : 2 = Partially idiomatic

(thành ngữ + phi thành ngữ : 2 = bán thành ngữ)

2.2.2 Dùng sơ đồ / dấu hiệu: giúp dễ hiểu và ghi nhớ .

(How do you do ? !)

Good morning

Morning!

Hello !

a) **Hi !**

b) Valuable $\approx$ invaluable $\neq$ valueless

c) That learning methods are important is still overlooked by many people

2.2.3 Dùng phép quy đối : Giúp dễ hiểu và ghi nhớ .

• Khi học sinh không hiểu tại sao " They should have answered her " lại là " Đáng lẽ họ phải trả lời cô ta " chúng ta hãy quy đối lại tình huống : " They have answered her " và dịch " Họ đã trả lời cô ta ". Sau đó chúng ta thêm " should " vào trước động từ và dịch mấy móc : " Họ nên đã trả lời cô ta " và suy ra : " Họ đáng nhẽ phải trả lời cô ta "

III. Kết luận :

Trên đây là một số nét cơ bản của việc dạy và học ngoại ngữ , đặc biệt ở phổ thông. Ngoài những phương pháp/ thủ thuật đã giới thiệu, còn rất nhiều phương pháp và thủ thuật nữa chúng tôi sẽ lần lượt đề xuất để chúng ta tham khảo. Chúng tôi đã áp dụng rất hiệu quả. Tuy nhiên, một số học sinh bảo thủ, ngại nâng động nên chưa thấy cái lợi của chúng. Chúng tôi đã thử nghiệm ở các bộ môn thực hành và lý thuyết (cả phổ thông và Đại học), sau một vài thất bại đã và đang đi tới thành công. Thực tế giảng dạy phổ thông ở các nước phương Tây cho thấy họ ưu tiên thời lượng khá lớn cho việc luyện tập kết hợp Nói. Khoảng 20% quỹ thời gian dành cho một bài cũng đủ để chúng ta luyện những dữ liệu chính qua " Nói " nếu sự chuẩn bị và giảng dạy khoa học nhiệt tình chu đáo. Chúng ta chú ý phân biệt cho h/s sự khác nhau giữa bút ngữ và khẩu ngữ.

Những phương pháp trên giúp kiến thức " tĩnh " trở thành kiến thức "động " (như phương pháp diện ảnh), tạo rãnh ngoại ngữ trong vỏ não, người học phát huy được trí nhớ và khả năng tái tạo , sáng tạo. Lớp đông người học hiệu quả hơn. Một khẩu hiệu của giáo học pháp ngoại ngữ phải là " Xuất khẩu nhập tâm ".